TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 01 - 2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Ngọc Điệp

Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 03 năm 2023 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 389/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Ngọc M, sinh năm 1984 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2022 và tại phiên tòa chị Lê Ngọc M trình bày: Chị M và anh Đ tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 23/8/2010.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn dần dần không còn tình cảm, hạnh phúc. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không phù hợp tính tình, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi nên vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay. Nay chị M xét thấy hôn nhân không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị M xác định có 01 người con chung Nguyễn Đức N, sinh ngày 06/5/2004, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị M xác định không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ: Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các thủ tục tố tụng nhưng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Ngọc M được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung Chị M xác định có 01 người con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 06/5/2004 đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; buộc chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành thụ lý đơn đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), anh Nguyễn Văn Đ với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp T, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Tại phiên tòa, Chị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh, chị không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh, chị và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị M, anh Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Ngọc M với anh Nguyễn Văn Đ kết hôn vào năm 2003 và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào năm 2010 nên hôn nhân của anh, chị đến nay là hợp pháp. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay (có xác nhận của chính quyền địa phương), từ đó cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị M yêu cầu được ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên trong thảo luận nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M.

[2.2]. Về con chung: Chị M xác định chị và anh Đ có với nhau 01 người con chung là Nguyễn Văn N, sinh ngày 06/5/2004, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không có yêu cầu; về nợ chung: Chị M xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Án phí sơ thẩm: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị M đã nộp nên chị không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Ngọc M được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Án phí sơ thẩm: Chị Lê Ngọc M phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0007950 ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- UBND xã nơi đương sự cư trú;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Ngọc Luân